

Ôn tập tân ngữ người (people) và tân ngữ vật (things)

1. Ghi nhớ

Cấu trúc 1

S + V + tân ngữ vật + tân ngữ người

Mum bought **me a new bag**.

me: người nhận – tân ngữ gián tiếp

a new bag: vật được mua – tân ngữ trực tiếp

Cấu trúc 2

S + V + tân ngữ vật (things) + to/for + người nhận (people)

Mum bought **a new bag for me**.

- Dùng **to** với: give, send, show, tell, write, bring, read...
- Dùng **for** với: buy, make, cook, get...

Dạng 1: Xác định hai loại tân ngữ

Gạch chân **tân ngữ gián tiếp (things)** và khoanh tròn **tân ngữ trực tiếp (people)** hai lần.

1. Dad gave me a new bicycle.
2. Lucy sent her friend a postcard.
3. Mum made us some sandwiches.
4. The teacher showed the children a picture.
5. Tom told his sister a funny story.
6. Grandma bought Ben a warm coat.
7. Jack wrote his teacher an email.
8. Anna brought her mum some flowers.

Dạng 2: Chọn đáp án đúng

1. Mum bought _____ a new schoolbag.
a. I
b. me
c. my
 2. Jack gave _____ a birthday present.
a. she
b. her
c. hers
 3. The teacher showed _____ a picture.
a. we
b. us
c. our
 4. Daisy made _____ a sandwich.
a. he
b. him
c. his
 5. Dad told _____ a story.
a. they
b. them
c. their
 6. Lucy sent _____ an invitation.
a. I
b. me
c. mine
-

Dạng 4: Viết lại câu, thay đổi vị trí tân ngữ

Ví dụ

Tom gave a present to Lucy.
Tom gave Lucy a present.

1. Mum bought a new dress for Jane.
Mum bought _____.
2. Jack sent an email to his teacher.
Jack sent _____.
3. Daisy made a sandwich for her brother.
Daisy made _____.
4. Dad told a story to the children.
Dad told _____.
5. Lucy showed her drawing to her mum.
Lucy showed _____.

6. Grandma cooked some soup for us.
Grandma cooked _____.
 7. Ben gave a birthday card to Anna.
Ben gave _____.
 8. The teacher read a story to the class.
The teacher read _____.
-

Dạng 5: Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

1. gave / Tom / a present / me
 2. Mum / a cake / made / us
 3. sent / Lucy / her friend / a message
 4. his brother / Jack / a story / told
 5. bought / Dad / a bicycle / Ben
 6. the children / showed / a map / the teacher
 7. an email / wrote / Anna / her teacher
 8. brought / Grandma / some fruit / us
-

Dạng 7: Tìm và sửa lỗi sai

1. Mum bought to me a new pencil case.
 2. Jack gave a present for his sister.
 3. Daisy sent to her friend a postcard.
 4. Dad cooked dinner to us.
 5. Lucy showed for me her new dress.
 6. The teacher told to the children a story.
 7. Grandma made a cake to Ben.
 8. Tom wrote for his teacher an email.
-

Dạng 8: Hoàn thành câu bằng thông tin của em

1. My mum bought me _____.
2. I gave my friend _____.

3. My teacher showed us _____.
4. My dad made me _____.
5. I sent _____ to my friend.
6. My grandmother cooked _____ for me.

